



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUY NGHI
Last Middle First

Current Address: 104/11 Dong Khoi - Q1 - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 12-02-1923 Place of Birth: Bien Hoa

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 13 - 75 To Sept. 20 - 1982
Years: 07 Months: 03 Days: _____
US trainee

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI MY HUE
Name

Houston TX, ...
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI TUOI	03.30-1930	wife
NGUYEN THI MY LE	10.29-1952	daughter
HUYNH THIEN BAO	12.20-1978	nephew

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HOCHIMINH City, December 14th 1983.

TO : ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 Soi Tien Siang
South Sathern Road
Bangkok 12 THAILAND.

SUBJECT : Application for Immigration to the UNITED STATES of
AMERICA as Refugees under the O.D.P.

I undersigned : NGUYEN DUY NGHI
Date and place of birth : December 2nd 1923 Binh Truoc, Bien Hoa VN.
Nationality : Vietnamese
Family status : Married.
Occupation :

Before April 30. 1975 : Lt.Colonel. Serial No.101.694
Chief of the Planning Division of the Department of Defense
Transportation (Army of the Republic of Vietnam).

After April 30.1975 : Detained in Reeducation camps
from June 18.1975 to Sept 20.1982.

Present address : 104/11 Dong Khoi St, Q.I, HoChiminh CityVN

My accompanying family member is listed below :

FULL NAME	DOB	ADDRESS IN VN	RELATIONSHIP
Huynh Thi Tươi	03.30.1930	104/11, Dong Khoi St, Q.I HoChiminh City, Vietnam	Wife
Nguyen t. My Lê	10.29.1952	Same as above	Daughter
Huynh Thien Bao	12.20.1978	Same as above	Nephew.

Following are my blood relatives living in USA :

NGUYEN THI MY HUE	08.13.1954 -	Daughter
HOUSTON, TEXAS		

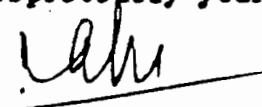
Based on the spirit of the humanitarian act held by the UNHCR.
I wish to request your assistance and intervention with the Government of
the SRVN. In order that my wife, my daughter and my nephew and I be permitted
to leave VN and resettle in the USA under the protection and support of the
UNHCR.

I am hoping for your consideration and approval of my request, so
that my family would be saved from our actual difficult situation.

Enclosure :

1 photo copy of my Reeducation
Certificate.

Respectfully yours


NGUYEN DUY NGHI

QUỐC NỘI VỤ
Thủ Đức.

Số 681

(92)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 100
Tháng 10
Năm 1982

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hành án văn, quyết định tha số **179** ngày **30** tháng **8** năm **1982**
của **Bộ Nội Vụ.**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị, cô tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Duy Nghi.**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm **1923**

Nơi sinh **Biên Hòa.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **55/12 Phất diêm, Quận 1, TP.**

Hồ chí Minh.

Cán tội **Trung tá trưởng khối kế hoạch Cục quân vận.**

Bị bắt ngày **14/6/1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **104/11 Đông khởi, Quận 1, TP. Hồ chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng an tâm, lao động tích cực, Học tập tiếp thu nhanh, Chấp hành nội quy trại tốt.

- Thời hạn quản chế **12 tháng (Mười hai tháng)**
 - Thời hạn đi đường **02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại)**
 - Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.
- (Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định)**

Làm tay ngón trở phải

Của **Nguyễn Duy Nghi**

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nghi

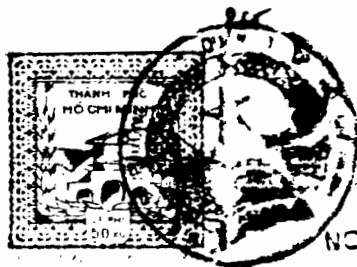
Ngày **20** tháng **9** năm **1982**
Phó Giám thị

Phạm Hữu Phúc

Thiếu tá: **Phạm Hữu Phúc.**

Lưu nhân:
3/5 tài liệu của an phường
truyền nên giấy ra báo. Nay
kính chuyển công an quận 1
Ngày 22.9.72
Phó Trưởng CT. F9 Q1
Kính chào và trân trọng
Thầy Nguyễn Trọng Dũng

CHỨNG NHẬN SỐ 682/12
GIÒNG Y BÀN THÀNH
Ngày 4 tháng 12 năm 1972
TM/ỦY BAN D. P. Q. Q. 1



NGUYỄN THANH HỒNG

R E L E A S E

Referring to Circular No 966 BCA/TT dated May 31, 1961 of the Department of the Interior,

In execution of the Release Decision No179 dated August 30, 1982 of the Department of the Interior,

This release has been issued to

Full name NGUYEN DUY NGHI

Date of birth 1923

Place of birth Bien Hoa

Permanent residence prior to his arrest: 55/12 Phat Diem, Q.1, TP. HO CHI MINH

Convicted of: Lt. Colonel, Chief of Planning Division of the Logistics Corps

Date of arrest: June 14, 1975 Sentence: TTCT

Who is hereby authorized to get back to and reside at 104/11 Dong Khoi, Q.1, Hochiminh City.

EVALUATION OF REEDUCATION PROCESS :

- Regained confidence and faith
- Actively participated in labor assignments
- Rapidly receptive in the reeducation process
- Abided by the by-laws of the camp well
- Period of probation: 12 months
- Authorized period of travel: 2 days (as reckoned from the date of signing of this release)
- Travel fare from the camp to his family residence has been given to the released detainee.

(His final residence will be determined by the local authorities)

Print of the right index finger of NGUYEN DUY NGHI

Full name and signature of the holder of the release

Dated this 20th day of September, 1982 by Major PHAN HUU PHUC, Camp Vice Superintendent (Signed and sealed)

This is to certify that the released detainee has reported to the local Security Office to exhibit his release and his records are hereby transferred to the Security Office of District I.

Dated this 22nd day of September, 1982 by Capt. NGUYEN TRONG DUNG (Signed and sealed)

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL.

No 632/12 Date: December 4, 1982

For the People's Committee of Quarter 10 of District I

Signed and sealed: NGUYEN THANH HONG

CERTIFIED TRUE TRANSLATION OF THE ORIGINAL IN VIETNAMESE.

Luong Quan Pham
LUONG QUAN PHAM
Translator of English
(713) 933-7143

Subscribed and sworn to before me
this 11th day of JAN 1983.

Euford Richards
EUFORD RICHARDS

Notary Public State of Texas
My Commission Expires Feb. 28, 1985

REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF JUSTICE
Judicial Service in
SOUTH VIETNAM

THE CLERK'S OFFICE IN THE TRIBUNAL COURT
OF 1ST INSTANCE IN SAIGON

ABSTRACT OF MARRIAGE LICENSE FROM REGISTER IN 1952
VILLAGE BINH HOA , PROVINCE GIA DINH
SOUTH VIET NAM

Year: 1952

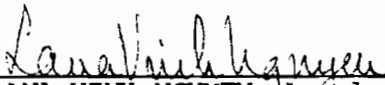
No.5

Husband's name	:	NGUYEN DUY NGHI
Date of birth	:	12-2-1923
Place of birth	:	Binh Truoc (Bien Hoa)
Name of Husband's father	:	NGUYEN DUY KHIEM
- - - mother	:	DAO THI CHO (deceased)
Wife's name	:	HUYNH THI TUOI
Married status	:	Legally married
Place of birth	:	Kha Phu My (Soctrang)
Date of birth	:	3-30-1930
Name of wife's father	:	HUYNH NHU CANG
- - - mother	:	TRAN THI SAU (deceased)
Date of marriage	:	1-12-1952

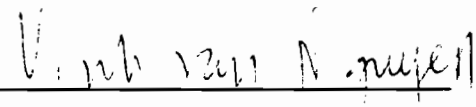
We, LUONG DUC HOP. by subrogation
of the Presiding Judge to authen-
ticate the signature of Mr. TRAN
QUAN CHAN, Head-Clerk of the
local Court.
Saigon, 3-22-1962
Signed and sealed:(illegible)

ABSTRACT CONFORMED TO ORIGINAL
Saigon, 3-22-1962
Head-Clerk,
Signed and sealed: (illegible)

This is to certify that the foregoing translation is, to the best of
my knowledge and belief, a true and accurate rendition into English
of the original document written in Vietnamese.


LANA VINH NGUYEN, Legal Secretary
1702 Austin St., Houston, Tex. 77002

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME, the undersigned Notary Public, on
this 8th day of September, 1982.



BỘ TƯ- PHÁP
DÉPARTEMENT DE LA JUSTICE

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN
SERVICE JUDICIAIRE DU SUD VIET-NAM

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SO THAM SAIGON

GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THÚ NĂM 1952 (BỤC NHƯT)

(Extrait du registre des actes de mariage de l'année) (degré)

LÀNG BÌNH HOA XA TỈNH GIADINH (NAM-PHẦN)

(du village de) (Province de) (Sud-Viêt Nam)

Năm 1952 Số hiệu 5
(Année) (Acte No)

Tên, họ người chồng Nom et prénoms de l'époux	NGUYỄN DUY NGHI
Sanh tại chỗ nào Lieu de sa naissance	Bình trước (Biên-hoà)
Sanh ngày nào Date de sa naissance	2.12.1923
Tên, họ cha chồng (chết sống phải nói) Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	NGUYỄN DUY KHIEM (sống)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	ĐẠO THI CHO (chết)
Tên, họ người vợ Nom et prénoms de l'épouse	HUYNH THI TUOI
Vợ chánh hay là vợ thứ Son rang de femme mariée	Vợ chánh
Sanh tại chỗ nào Lieu de naissance	Kha-Phu-My (Soctrang)
Sanh ngày nào Date de sa naissance	30.3.1930
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	HUYNH NHU CANG (sống)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	TRẦN THI SAU (chết)
Ngày kết-hôn Date de mariage	12.1.1952

Chúng tôi LUONG DUC HOP
Nous

duoc Chánh-án Tòa Saigon U.N.
President du Tribunal

chứng cho hợp-pháp chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de

Ông TRẦN QUAN CHAN
M.

Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại
Greffier en chef audit tribunal.

Saigon, ngày 22.3.1952

CHÁNH-ÁN
LE PRÉSIDENT

Trích y bản chánh.
Pour extrait conforme

Saigon, ngày 22.3.1952

CHÁNH LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF

Chay

Giấy liên
Cốt

Biên lai số
Quittance no

CERTIFICATE OF BIRTH

No 297

Child's full name	:	NGUYEN DUY NGHI
Sex	:	Male
Date of birth	:	December 2, 1923
Place of birth	:	Binh Truoc
Father's name	:	NGUYEN DUY KHIEM
age	:	-
occupation	:	Clerk
residence	:	Binh Truoc
Mother's name	:	DAO THI CHO
age	:	-
occupation	:	land owner
residence	:	Binh Truoc
rank of wife	:	First rank
Declarant's name	:	NGUYEN DUY KHIEM
age	:	42
occupation	:	Clerk
residence	:	Binh Truoc
Date of declaration	:	-
First witness's name	:	TRAN VAN QUE
age	:	41
occupation	:	District administrator
residence:	:	Binh Truoc
Second witness's name	:	NGUYEN VAN NHO
age	:	31
occupation	:	Clerk
residence	:	Binh Truoc

Made at Binh Truoc Village this 10th day of December, 1923
 Declarant: NGUYEN DUY KHIEM
 Witnesses: Tran Van Que, Nguyen Van Nho
 Vital Statistics Officer: Huynh Cong Ngan

CERTIFIED TRUE EXTRACT FROM THE REGISTER OF BIRTHS OF 1923

Dated at Binh Truoc this 3rd day of November, 1958
 Signed illegibly
 Attested by the Representative of the Village Committee this
 3rd day of November, 1958
 Signed illegibly with seal by the Secretary General and
 Financial Officer
 This is to certify the authenticity of the signatures of the
 Committee of Binh Truoc Village,
 Dated November 19, 1958 at Bien Hoa,
 Signed illegibly with seal by PHAM CONG DOI, Deputy District
 Chief

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Pham Xuan Luong
 PHAM XUAN LUONG,
 Ex-sworn Translator of Saigon Court

Subscribed and sworn to before me
 this 21st day of Sept 1952

Buford Richards
 BUFORD RICHARDS

Notary Public, State of Texas
 My Commission Expires Feb. 28, 1955

KHAI SANH

Tên, họ ấu nhi :	Nguyễn duy - Nghi
Phái :	Nam
Sinh : (Ngày, tháng, năm)	Le 2 Décembre 1923
Tại :	Bình trước
Cha : (Tên, họ)	Nguyễn - duy - Khiêm
Tuổi :	-
Nghề :	Secrétaire
Cư-trú tại :	Bình trước
Mẹ : (Tên, họ)	Đào - thị - Cho
Tuổi :	-
Nghề :	Propriétaire
Cư-trú tại :	Bình trước
Vợ : (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai : (Tên, họ)	Nguyễn - duy - Khiêm
Tuổi :	42 ans
Nghề :	Secrétaire
Cư-trú tại :	Bình trước
Ngày khai :	-
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	Trần - văn - Quê
Tuổi :	41 ans
Nghề :	Tri Huyện
Cư-trú tại :	Bình trước
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	Nguyễn - văn - Nhò
Tuổi :	31 ans
Nghề :	Secrétaire
Cư-trú tại :	Bình trước

KIẾN-THỊ

BÌNH-TRƯỚC, Ngày 3 Tháng 11 Năm 1958

T.M. HỘI-ĐỒNG-XÃ

TỔNG-THỦ-Y-KHIÊM-TÀI-CHÁN

Lập tại xã Bình trước, ngày 10-Décembre 1958

Người khai, Bình trước, Hộ-lai, 10 Décembre 1958, Nhân-chứng,

Nguyễn duy Khiêm

Huỳnh công Ngán

Trần văn Quê

Nguyễn văn Nhò

REPUBLIC OF VIETNAM
SUPREME COURT
COURT OF CONCILIATION OF SAIGON

EXTRACTION FROM ORIGINAL
FILED AT THE OFFICE OF THE COURT CLERK OF THE
COURT OF CONCILIATION OF SAIGON

No. 240.HT (1)

The @20 of APRIL , 1950 (1)

MINH.6

CERTIFICATE REPLACING BIRTH CERTIFICATE FOR

HUYNH-THI-TUOI

Year Nineteen fifty , the 20 of April at 10:00c'clock
Before me, LE VAN DINH ,President of The Court of Conciliation
of Siagon, in our Office at 115 Nguyen Hue Boulevard, assisted by
CAO VAN BAY , Court Clerk .

APPEARED :

- 1.- MR. VUONG HIEP NGON
- 2.- MR. NGO THANH VAN
- 3.- MR. NGUYEN VAN QUAN

These witnesses took oaths and declared that they definitively
knew :

HUYNH THI TUOI, Date of birth March, 30-1930
at Kha Phu-My (Soc-Trang)

daughter of Mr. Huynh-nhu-Cang and Mrs. Tran-thi-Sau.-

And the reason that Huynh thi Tuoi could not get the extraction
of her birth certificate was missing of Vital Statistic Records
of Kha Phu-My Village, referring to the letter of Mr. Court Clerk
of Soc-Trang Court dated 09-20-1949.

Because of the confirmation as above of witnesses, we have to
issue this Birth certificate for the Applicant to use as required
by Law, referring to Ordinance dated November 17-1947 of The
Premier of The Provisional Government of South Viet Nam.
The Applicant and Witnesses were heard the reading of Article
363 and the following articles of The revised Criminal Law
relating to false witness on Civil cases, which were sentenced
from 2 to 5 years in jail and a fine from 200 piasters to 8,000
piasters.

After reading, the Witnesses have signed here with me and The
Court Clerk.

EXTRACTED FROM ORIGINAL

Fee : \$15.00

(1) These informations must
be given when requested
additional copies.

Saigon , September 23 , 1970
General Court Clerk

(Seal and Signature) LE CHI MAU

Translated by : VAN THI NGUYEN R.N.
Signature: Van Thi Nguyen

Subscribed and sworn to before me on this
26th day of September , 1982 , stated that the
translation is true and correct to the best
of her knowledge.

STATE OF TEXAS

COUNTY OF HARRIS

Nguyen Khanh
NOTARY PUBLIC

HOAT KHOA NGUYEN
NOTARY PUBLIC IN AND FOR
THE STATE OF TEXAS

MY COMMISSION EXPIRES SEPTEMBER 15, 1985

VIỆT-NAM CỘNG HOÀ
TỐI-CAO PHÁP-VIỆN

TÒA HÒA - GIẢI
SAIGON

Lục-sao y bản chánh đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

SỐ 240.HT (1)

Ngày 20 tháng 4 năm 19 50 (1) MINH.6

GIẤY THẺ-VI KHAI-SANH CHO

HUYỀN-THỊ-TUỔI

Năm một ngàn chín trăm 50 ngày 20 tháng 4 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là LE VAN DINH Chánh-Án Toà Hoà-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
CAO VAN BAY phu-tá

ĐÃ TRÌNH - DIỆN :

1. — Ông. Vương-Hiệp-Ngôn

2. — Ông. Ngô-Thành-Vân

3. — Ông. Nguyễn-Văn-Quân

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai-quả-quyết biết rằng

HUYỀN-THỊ-TUỔI

Sanh ngày 30.3.1930 tại Khá Phú-Mỹ (Sóc-Trăng), con
của Ông Huỳnh-Như-Cang và Bà Trần-Thị-Sau .-

Và duyên cớ mà Y thị không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì Bộ đời làng Khá Phú-Mỹ đã lạc mất, chiếu theo
thơ của Ông Lục-Sự Toà Sóc-Trăng đề ngày 20.9.1949.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vi khai
sinh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ-từ 2 đến 5 năm tù và
phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

Saigon, ngày

LỤC-SAO Y,
23 tháng 9 năm 19 70
CHÁNH - LỤC - SỰ,



[Handwritten signature]
CHÁNH - LỤC - SỰ

GIÁ TIỀN 158.00

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp tem bản sao.

THE CLERK'S OFFICE IN THE JUSTICE'S COURT
WITH EXTENDED COMPETENCY AT SAIGON
ABSTRACT OF BIRTH CERTIFICATE FROM REGISTER AT
SAIGON.

Year 1952

No. 7888

Name of the child	:	NGUYEN THI MY LE
Sex	:	Female
Date of birth	:	10-29-1952
Place of birth	:	Saigon, 153/57 Chasseloup Laubat St.
Father's name	:	NGUYEN DUY NGHI
Occupation	:	Interpreter
Residence	:	Saigon, 23/110 Freres Guillerault St.
Mother's name	:	HUYNH THI TUCI
Occupation	:	Housewife
Residence	:	Saigon, 23/110 Freres Guillerault St.
Married status	:	Legally married

We, LUONG DUC HOP, By subrogation
of the Presiding Judge to
authenticate the signature of Mr.
TRAN QUAN CHAN, Head Clerk of the
local Court.

Saigon, 3-22-1962

Signed and sealed (illegible)

ABSTRACT CONFORMED TO
ORIGINAL

Saigon, 3-22-1962

Head Clerk

Signed and sealed
(illegible)

This is to certify that the foregoing translation is, to the
best of my knowledge and belief, a true and accurate rendition
into English of the original document written in Vietnamese.



HONG DUY TRAN

PHÒNG LỤC-SỰ' TOÀ SỞ-THẨM SAIGON

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1952 SỐ HIỆU 7.888
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI MY LE
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	29.10.1952
Sanh tại chỗ nào. (lieu de naissance)	Saigon, 153/57 đường Chasseloup Laubat
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN DUY NGHI
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Thông ngôn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon, 23/110 đường Frères Guillerault
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	HUYEN THI TUOI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon, 23/110 đường Frères Guillerault
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, LUOTQ DUC HOP
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông TRAI QUAN CHAN
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal)

Saigon, ngày 22.3. 196 2
T. U. N CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 22.3. 196 2
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền : 4 SU
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance no)

REPUBLIC OF VIET NAM
MINISTRY OF JUSTICE
Judicial Service in
SOUTH VIETNAM

THE CLERK'S OFFICE IN THE JUSTICE'S COURT
WITH EXTENDED COMPETENCY AT PHUOC TUY

ABSTRACT OF BIRTH CERTIFICATE FROM REGISTER AT
VILLAGE THANG TAM, CAP ST. JACQUES, SOUTH VIETNAM
Year: 1954 No. 171

Name of the child	:	NGUYEN THI MY HUE
Sex	:	Female
Date of birth	:	3-13-1954 at 8:45 AM
Place of birth	:	Thang Tam
Father's name	:	NGUYEN DUY NGHI
Occupation	:	1st Lieutenant in Viet Nam Army
Residence	:	Thang Tam
Mother's name	:	HUYNH THI TUOI
Occupation	:	Housewife
Residence	:	Thang Tam
Married status	:	Legally married

We, DUONG THIEU SINH, Presiding
Judge at the Tribunal Phuoc Tuy
authenticate the signature of
Mr. NGO HUY DAI, Head-Clerk of
the local Court.
Phuoc Tuy, 5-31-1962
Judge,
Signed and sealed: (illegible)

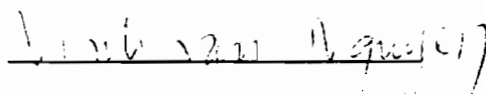
ABSTRACT CONFORMED TO ORIGINAL
Phuoc Tuy, 5-31-1962

Head-Clerk,
Signed and sealed: (illegible)

This is to certify that the foregoing translation is, to the best of
my knowledge and belief, a true and accurate rendition into English
of the original document written in Vietnamese.


LANA VINH NGUYEN, Legal Secretary
1702 Austin St., Houston, Texas 77002

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME, the undersigned Notary Public, on
this 8th day of September, 1982.



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Viêt - Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHẪN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA H. GR

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

Phước Tuy)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Lã Chung - Cam

(Extrait du registre des actes de naissance)

- Cap St Jacques (NAM - PHẪN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1954
(Année)

SỐ HIỆU 171
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn Thị Mỹ Huệ</u>
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	<u>nữ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>ngày 13 tháng 3 năm 1954</u>
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	<u>Chung Cam</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn Duy Nghi</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Biên Mỹ Quân Đội Quốc gia Việt Nam</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Chung Cam</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Hoàng Thị Trôi</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm việc nhà</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Chung Cam</u>
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	<u>vợ chánh</u>

Chúng tôi, Đỗ ng. Thiên Sinh
(Nous)

Chánh-án Tòa Phước Tuy
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ngô. Huy Tài
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal)

Phước Tuy, ngày 11-5-1962

CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Phước Tuy, ngày 11-5-1962
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền

(Cout)

Biên-lai số :

(Quittance no)

PEOPLE COMMITTEE

Village, Town _____

City, District : One

City, Province : Ho Chi Minh

REPUBLIC SOCIALIST OF VIETNAM

INDEPENDENCE- LIBERTY-HAPPINESS

Form HT2/P3

BIRTH CERTIFICATE

No. 121

Book No.01/P9

Last, First Name : HUYNH THIEN BAO

Sex : Male

Date of birth : The twentieth day of December, Nineteen
Day, month, Year : seventy eight(12-20-1978)

Place of birth : 75A Cao-Thang St. ,Ho-Chi-Minh city

Declaration about
Parent :

FATHER

MOTHER

Last, First Name, HUYNH VAN BE
Age(or date of . 1952
birth)

NGUYEN THI MY-LE
1952

Race, Nationality: Delta Origin
VietNam

Delta Origin
VietNam

Occupation, Labor Worker
Place of registration
for resident 104 Tan-Hung
ration unit District# 5

Wage Employee
104/11 Dong-Khoi
District # 1

Last, First Name, age,
place of registration
for resident ration
unit, certification or
I.D. No. of Declarer :

NGUYEN THI MY-LE - 1954

/

Registered on 12-28-1978
Per People Committee of District 1
(Last, First Name and Title)
General Clerk

Translated by VAN THI NGUYEN

Signature: Van Nguyen

(Seal and Signature)

NGUYEN VAN KIEU

Subscribed and sworn to before me on this 17th day of September, 1982
stated that the translation is true and correct to the best of Her
Knowledge and belief.

(SEAL)

STATE OF TEXAS

COUNTY OF HARRIS

HOAT KHOA NGUYEN
NOTARY PUBLIC IN AND FOR
THE STATE OF TEXAS

MY COMMISSION EXPIRES SEPTEMBER 15, 1985

Nguyen Van Kieu
NOTARY PUBLIC

Xã, thị trấn :

Thị xã, quận : Định

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

GIẤY KHAI SINH

Sö 121

Quyền số 01/Pg

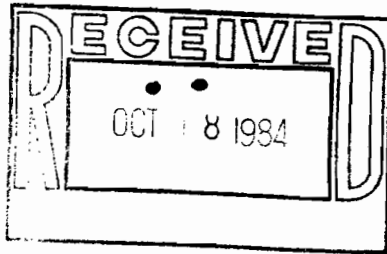
[illegible]

Họ và tên	Họ Nguyễn Thị Hiền Thảo		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi, tháng mười hai, một ngàn chín trăm bảy mươi tám (20-12-1978)		
Nơi sinh	35A Cao Thắng TP. Hồ Chí Minh		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Họ Nguyễn Văn Đức 1952	Nguyễn Thị Mỹ Lệ 1952	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân phụ vận Hãng Điện 5	Thợ gia công 104/Mi Đông Khố Quận I	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Mỹ Lệ 1951 /		

Đăng ký ngày 28 tháng 12 năm 1978

TM/UBND Quận Một ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Page 15



Houston October 14th 1984

Thị Mỹ Hue
m.l
Oct. 25 84

Kính gọi

BA CHU TICH

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIETNAM

Kính thưa Ba,

Toi xin gọi đến Ba họ số đoàn tu của Gia đình tôi hiện đang ở Việt Nam. Thân phụ tôi trước kia là quan nhân trong Quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã trải qua 7 năm trời học tập và được trả về năm 82, hiện nay vẫn còn sống trong chế độ kềm chế của Cộng Sản. Tôi mong rằng với lòng nhiệt tâm giúp đỡ đồng bào của Quý Ba, gia đình của những tu nhân chính trị còn ở lại Việt Nam sẽ sớm được đoàn tụ. Nếu Quý Ba cần biết thêm chi tiết về gia đình tôi xin cho tôi biết, tôi gọi theo đây tem thu để Quý Ba tiện việc liên lạc.

Xin thành thật cảm ơn Quý Ba và thành kính chúc Quý Ba đạt được nhiều thành quả trong việc giúp đỡ những gia đình đau khổ tại Việt Nam.

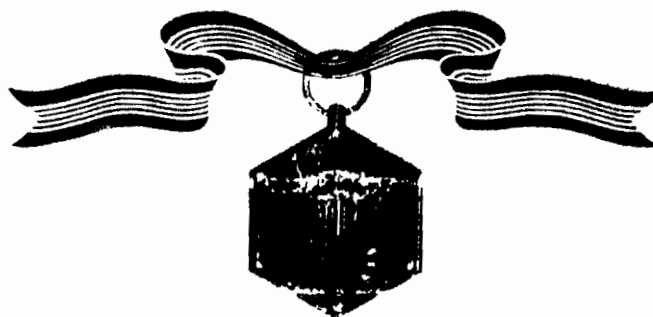
Kính thu,

Mỹ Hue Chu Haumen

NGUYEN THI MY HUE

Houston, Tx

Card
10/26/84
Sở
ODP.
Quân D



DEPARTMENT OF THE ARMY

THIS IS TO CERTIFY THAT
THE SECRETARY OF THE ARMY HAS AWARDED
THE ARMY COMMENDATION MEDAL
(FIRST OAK LEAF CLUSTER)

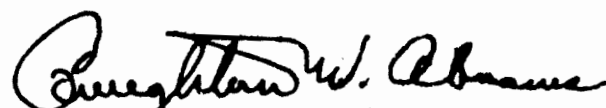
TO

MAJOR NGUYEN DUY NGHI, 43/101694, ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

FOR

MERITORIOUS SERVICE IN THE REPUBLIC OF VIETNAM FROM NOVEMBER 1959 TO NOVEMBER 1970

GIVEN UNDER MY HAND IN THE CITY OF WASHINGTON
THIS 7th DAY OF JANUARY 1971


CREIGHTON W. ABRAMS
General, United States Army




STANLEY R. RESOR
SECRETARY OF THE ARMY

The U. S. Army Transportation School



Certificate of Completion

To all who shall see these presents, greetings

Be It Known That Captain Nguyen Duy Nghi has satisfactorily
completed the Air Transportability Planning Course of the U.S. Army
Transportation School. In witness thereof, and by the authority vested in us, we do hereby confer this

Certificate of Completion

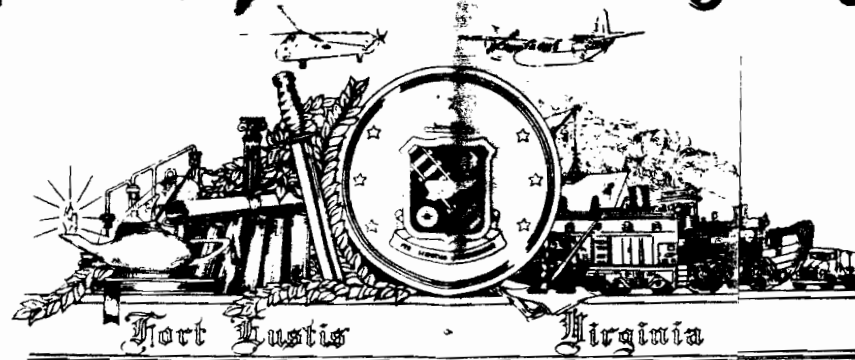
Given at Fort Eustis, Virginia this 15th day of May in the year of
our Lord one thousand nine hundred and sixty 8

Lt Theodore R. Benson
Lieutenant Colonel, TC

Secretary

1st Clarence J. Long
Colonel, TC Assistant Commandant

The U. S. Army Transportation School



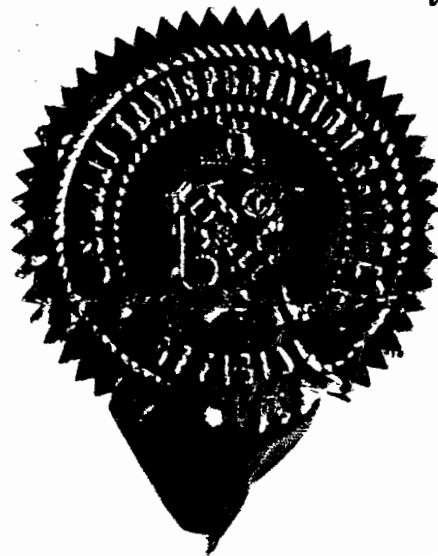
Diploma

To all who shall see these presents, greetings

Be It Known That Captain Nguyen Duy Nghi has satisfactorily
completed the Transportation Officer Career Course of the U. S. Army
Transportation School. In witness thereof, and by the authority vested in us, we do hereby confer this

Diploma

Given at Fort Eustis, Virginia this 15th day of May in the year of
our Lord one thousand nine hundred and sixty four.

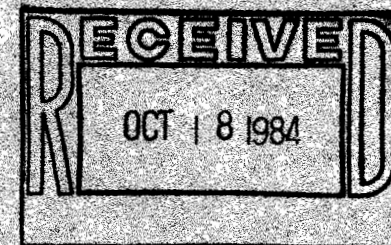


1st Theodore N. Benson
Lieutenant Colonel, TC Secretary

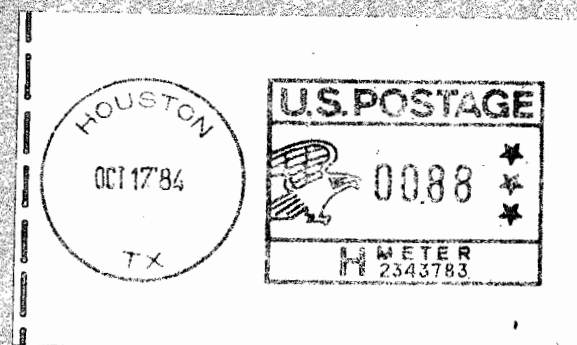
1st Clarence J. Lang
Colonel, TC Assistant Commandant

FROM: NGUYEN THI MY HUE

Houston, Tx



FIRST CLASS MAIL



TO: MRS. KHUC MINH THO
CHU TICH HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIETNAM
5555 COLUMBIA PIKE - SUITE D
ARLINGTON, VA 22204